

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **106** /2021/ HNGĐ-ST

Ngày 26/3 /2021

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Tuấn**

2. Ông **Nguyễn Văn Trình**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 536/2020/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐHPT ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn VT, thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn VT, thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Phùng Văn K** – sinh năm 1967

Bà **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1969

HKTT: Thôn VT, thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội

(*Chị M có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ 2, ông K, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hoàng Thị M trình bày: chị Hoàng Thị M kết hôn hợp pháp với anh Phùng Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội ngày 11/7/2011. Sau khi tổ chức kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không chịu làm ăn, không lo cho gia đình, chơi bời, gái gú, hay đánh tôi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Nay Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: có 2 cháu Phùng Gia B – sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Hiện nay cháu B đang ở với anh Đ, cháu A đang ở với Chị M. Quan điểm của Chị M xin được tiếp tục nuôi 2 cháu B và A, không yêu cầu anh Đ phải trợ cấp nuôi con chung.

Tài sản chung; công sức: không có.

Tài sản riêng: không có.

Công nợ: không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phùng Văn Đ, tổng đạt thông báo thụ lý và các giấy triệu tập đương sự, đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Phùng Văn Đ, anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của ông Phùng Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Phùng Văn Đ, hiện nay anh Đ đi làm ăn xa tôi không biết địa chỉ, thi thoảng về nhà. Anh Đ và chị Hoàng Thị M có kết hôn với nhau năm 2011, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà tôi, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, hay cãi vã nhau, không tìm tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không giải quyết được. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Chị M xin ly hôn tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: có 2 cháu Phùng Gia B – sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Hiện nay cháu B đang ở với ông K, bà H là bà nội, cháu A

đang ở với Chị M. Quan điểm của ông K, bà H là giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi cháu B, Chị M được tiếp tục nuôi cháu A, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung; công sức: không có.

Tài sản riêng: không có.

Công nợ: không có.

Tại bản tự khai của cháu Phùng Gia B trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 3A Trường tiểu học Tây Đằng, bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố, đây là sự tự nguyện của cháu không ai ép buộc cháu.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Phùng Văn Đ. Về con chung: có 2 cháu Phùng Gia B – sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Hiện nay cháu B đang ở với ông bà nội, cháu n đang ở với Chị M. Quan điểm của Chị M xin được nuôi 2 cháu B và A. Về tài sản chung, công sức: không có. Về tài sản riêng, nợ chung: không có. Tại phiên tòa hôm nay anh Phùng Văn Đ vắng mặt không có lý do.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị M đối với anh Phùng Văn Đ.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị M, cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phùng Văn Đ. Về con chung: có 2 cháu Phùng Gia B – sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Giao cho chị Hoàng Thị M được nuôi 2 cháu Phùng Bảo A và Phùng Gia B đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác, không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: không có. Về tài sản riêng, nợ chung: Chưa giải quyết. *Về án phí: chị Hoàng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Phùng Văn Đ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VT, thị trấn TĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị M và anh Phùng Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Chị M và anh Đ về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh Đ không chịu làm ăn, không lo cho gia đình, chơi bời, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Nay Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Phùng Văn Đ. Anh Phùng Văn Đ không trực tiếp tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Chị M, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không có mặt tại phiên hòa giải chứng tỏ anh Đ không coi trọng việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị M và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

3. Về con chung: có 2 cháu Phùng Gia B – sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Nguyên vọng của Chị M xin được nuôi 2 cháu B và A, theo nguyện vọng của cháu B xin được ở với bố anh Đ và nguyện vọng của ông K, bà H muốn giao cháu B cho anh Đ nuôi. Xét nguyện vọng của Chị M và ông K, bà H, cháu B đều chính đáng, nhưng hiện nay anh Phùng Văn Đ không có mặt tại địa phương, theo bà H cho rằng anh Đ đi làm ăn xa tôi không biết địa chỉ, thi thoảng về nhà nên không thể đảm bảo cho việc nuôi cháu B để đảm bảo tốt các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho 2 cháu phát triển bình thường. Do vậy, HĐXX giao cháu Phùng Gia B và cháu Phùng Bảo A cho chị Hoàng Thị M nuôi dưỡng 2 cháu đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Anh Phùng Văn Đ được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ: Chị Hoàng Thị M trình bày đều không có, anh Phùng Văn Đ không thể hiện quan điểm về vấn đề tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ. Do vậy, HĐXX chưa xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M đối với anh Phùng Văn Đ về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

- *Về con chung:* có 2 cháu Phùng Gia B– sinh 26/02/2012 và cháu Phùng Bảo A – sinh 24/10/2014. Giao 2 cháu Phùng Gia B và cháu Phùng Bảo A cho chị Hoàng Thị M nuôi dưỡng chăm sóc 2 cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phùng Văn Đ cho đến khi chị Hoàng Thị M có yêu cầu và có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh Phùng Văn Đ được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ: HĐXX chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, Chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00480. Ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà Chị M phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phùng Văn Đ, ông Phùng Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội

- VKSND huyện

- UBND TT TĐ

- Người tham gia tố tụng

- THA dân sự

- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thu Hường

